TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/DS-ST
Ngày: 04/8/2017
V/v tranh chấp"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trần Văn Tám

2.Ông Cao Châu Tiếp

- Thư ký phiên toà: Ông Quách Minh Trí- *Thư ký Tòa án nhân dân T, tỉnh Tiền Giang.*

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu, *Kiểm sát viên.*

Ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân T, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2014/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2014 về tranh chấp*"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1.**Nguyễn Thị S**, sinh năm 1968
2.**Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1968
Địa chỉ: ấp C, xã M, T, tỉnh Tiền Giang.
(Anh T ủy quyền cho chị S theo văn bản ủy quyền ngày 16/7/2012)

Bị đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp A , xã T, T, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:

1. **Đặng Thị C**, sinh năm 1922 (đã chết)

2. **Dương Thị L**, sinh năm 1970

3. **Nguyễn T H**, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: ấp A , xã T, T, tỉnh Tiền Giang.

4. **Nguyễn Hữu T**, sinh ngày 29/8/1997

Địa chỉ: ấp C, xã M, T, tỉnh Tiền Giang.

5. **Hoàng Thị G,** sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp C, xã M, T, tỉnh Tiền Giang.

6. **Chi cục Thi hành án dân sự T, tỉnh Tiền Giang**

Địa chỉ: ấp H, xã L, T, tỉnh Tiền Giang.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Thị C:

1.**Nguyễn Văn H**, sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp T, xã T, T, tỉnh Tiền Giang.

2.**Nguyễn Văn N**, sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp M, xã M, T, tỉnh Tiền Giang

3.**Nguyễn Thị N**, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp L, xã M, T, Tiền Giang.

4.**Nguyễn Thị C**, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp M, xã M, T, tỉnh Tiền Giang.

5.**Nguyễn Long H**, sinh năm 1965

Địa chỉ: số A đường T, phường D, Tp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

6.**Nguyễn Văn P,** sinh năm 1962

Địa chỉ: số X đường N, phường T, quận 10, Tp Hồ Chí Minh.

7. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp A , xã T, T, tỉnh Tiền Giang.

8. **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp C, xã M, T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị S có mặt. Anh T vắng mặt không lý do. Chị L, anh H, anh T, bà G, Chi cục THADS T, ông H, ông N, bà N, bà C, ông H, ông P có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/3/2012; đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và bản tự khai ngày 19/10/2016 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Hữu T; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị S và chị đại diện theo ủy quyền của anh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T là chị em ruột. Vào ngày 19/9/2008, vợ chồng chị và anh T có thỏa thuận anh T chuyển nhượng cho vợ chồng chị diện tích đất ruộng 6.800m^2, tọa lạc tại ấp A , xã T, T, tỉnh Tiền Giang với giá 24 chỉ vàng 24kr/ 01 công, tổng số vàng chuyển nhượng diện tích đất trên là 160 chỉ vàng 24kr. Hai bên có làm giấy tay sang nhượng cùng ngày 19/9/2008, vợ chồng chị đã giao đủ số vàng cho anh T và anh T đã giao diện tích đất trên cho vợ chồng chị quản lý, sử dụng. Sau đó, chị và anh T ra Ủy ban nhân dân xã Tân Bình để làm thủ tục sang tên cho vợ chồng chị, tuy nhiên trước đó anh T và vợ là chị Dương Thị L có nợ của bà Hoàng Thị G 06 lượng vàng 24kr nên bà G có đơn yêu cầu thi hành án, do đó khi chị và anh T mang bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất ra Ủy ban nhân dân xã để làm thủ tục sang tên thì cơ quan thi hành án dân sự huyện Cgiữ lại để thực hiện thi hành án cho bà G. Thi hành án cắt 3.000m^2 trong diện tích đất vợ chồng chị đang quản lý để thi hành án cho bà G và hiện bà G đã được đứng tên quyền sử dụng đất 3000m^2. Do thiếu mất 3.000m^2 đất so với thỏa thuận chuyển nhượng ban đầu nên anh T đưa cho vợ chồng chị thêm một diện tích đất ruộng 1.004m^2 cũng tọa lạc tại ấp A , xã T, T, tỉnh Tiền Giang để bù lại cho vợ chồng chị, phần còn thiếu 2.000m^2 thì anh T hứa sẽ trả lại cho vợ chồng chị 48 chỉ vàng 24kr, nhưng sau đó các bên không thực hiện được việc sang tên quyền sử dụng đất và thỏa thuận trên kéo dài cho đến nay.

Hiện tại chỉ có vợ chồng chị là người quản lý, sử dụng 02 diện tích đất trên, từ lúc nhận đất cho đến nay vẫn là đất trồng lúa và vợ chồng anh chị không có san lấp, tu bổ gì thêm trên đất. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất trên do Chi cục THADS T đang giữ và việc thi hành án cắt 3.000m^2 đất mà vợ chồng chị quản lý để thi hành cho bà G thì vợ chồng chị cũng không có ý kiến gì.

Nay vợ chồng chị khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 19/9/2008 giữa vợ chồng chị và anh T. Vợ chồng chị sẽ trả lại cho anh T hai diện tích đất theo đo đạc thực tế còn lại của thửa 145, tờ bản đồ 4 và thửa 280, tờ bản đồ 4 cùng tọa lạc tại ấp A , xã T, T, tỉnh Tiền Giang; yêu cầu anh T phải trả lại cho vợ chồng chị 160 chỉ vàng 24kr. Ngoài ra vợ chồng chị không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2012(Bl 56) bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh có bán cho anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị S một miếng đất ruộng với diện tích là 6 công 8 với số vàng là hai cây tư một công(Tổng số vàng là một trăm sáu chục chỉ 24kr). Nay anh có ý kiến cho anh thu hồi lại đất để bán trả số vàng cho nguyên đơn, thời hạn là hai năm kể từ hôm nay.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

-Tại tờ tự thuận được xác nhận ngày 01/8/2012(Bl 55) ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Long H, Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị C trình bày: Các ông, bà là con của ông Nguyễn Văn Thi(đã chết) và bà Đặng Thị C(đã chết). Các ông, bà đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà C và anh T xác lập vào ngày 19/9/2008 cho anh T và chị S đứng tên.

-Tại bản tự khai ngày 20/5/2014 anh Nguyễn T H trình bày: Anh không có ý kiến gì đối với vụ án tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn.

-Tại biên bản hòa giải ngày 20/12/2016 bà Hoàng Thị G trình bày: Vào năm 2007, bà có khởi kiện vợ chồng anh T và chị L để đòi 06 lượng vàng 24kr và có làm đơn yêu cầu thi hành án. Do lúc đó anh T có phần đất ruộng khoảng 6.800m^2, tọa lạc tại ấp A , xã T, T, tỉnh Tiền Giang đang làm giấy tay sang nhượng cho chị S và anh T nhưng chưa làm thủ tục sang tên, nên cơ quan thi hành án đã cắt 3.000m^2 trong diện tích đất này để thi hành cho bà và hiện tại bà đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, anh T và chị L vẫn còn nợ lại bà 05 chỉ vàng 24kr nhưng bà đã đồng ý với cơ quan thi hành án không yêu cầu thi hành nữa. Nay chị S và anh T khởi kiện anh T, bà không có ý kiến gì về nội dung vụ án, tùy Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Tại bản tự khai ngày 17/11/2016(Bl 214) của Chi cục THADS T trình bày: Ngày 21/4/2011 Chi cục THADS huyện C tiến hành kê biên 3.000m^2 đất lúa thuộc thửa 145, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp A , xã T, T, tỉnh Tiền Giang(trong diện tích đất 6.684m^2 mà anh T và chị S đang quản lý, sử dụng) để bán đấu giá và đã giao cho người mua trúng giá là bà Hoàng Thị G. Sau khi chi trả vàng cho bà G, anh T và chị L còn phải thi hành án 05 chỉ vàng 24kr, tuy nhiên

căn cứ vào biên bản giải quyết thi hành án ngày 26/5/2016 của Chi Cục THADS T thì bà Hoàng Thị G không yêu cầu cơ quan thi hành án tiếp tục thi hành án phần còn lại. Chi cục THADS T hiện đang giữ hai bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ của anh T số "H" 03511 ngày 07/6/2006 đối với diện tích 100.4m^2 và số "H" 03375 còn lại diện tích 3.684m^2 sau khi tách thửa cho bà G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có ý kiến đề nghị gì.

- Về nội dung tranh chấp: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và buộc đương sự phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án có quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*".

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị L, anh Nguyễn T H, anh Nguyễn Hữu T, bà Hoàng Thị G, Chi cục THADS T, ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Long H, ông Nguyễn Văn P có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị L, anh H, anh T, bà G, Chi cục THADS T, ông H, ông N, bà N, bà C, ông H, ông P.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ lời trình bày của những người tham gia tố tụng, căn cứ các tài liệu, chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xác định vào ngày 19/9/2008 anh Nguyễn Văn T có làm "Giấy sang nhượng đất nông nghiệp" với nội dung anh T cùng mẹ là bà Đặng Thị C bán cho vợ chồng anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn

Thị S một miếng đất ruộng diện tích là 6 công 8 với số vàng là hai cây tư một công(tổng số vàng là một trăm sáu chục chỉ 24kr). Anh T đã nhận đủ vàng và giao đất cho vợ chồng anh T và chị S canh tác. Phần đất trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H" 03375 do UBND huyện C(nay là UBND T), tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ anh Nguyễn Văn T ngày 11/5/2006 có diện tích là 6.684m^2, loại đất trồng lúa, thuộc thửa 145, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp A , xã T, huyện C(nay là T), tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, sau đó hai bên không tiến hành thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật được vì cơ quan Thi hành án dân sự đã kê biên bán đấu giá 3.000m^2 trong diện tích đất trên giao cho bà Hoàng Thị G để thi hành nghĩa vụ thi hành án của vợ chồng anh T và chị L. Anh T thỏa thuận giao tiếp diện tích đất ruộng 1.004m^2 thuộc thửa 280, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp A , xã T, huyện C(nay là T), tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C(nay là T), tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ của anh T số "H" 03511 ngày 07/6/2006 để bù cho anh T và chị S, phần còn thiếu 2.000m^2 anh T sẽ trả lại cho anh T và chị S 48 chỉ vàng 24kr, nhưng từ đó đến nay các bên không thực hiện được việc chuyển quyền sử dụng đất và thỏa thuận trên.

Xét "Giấy sang nhượng đất nông nghiệp" ngày 19/9/2008 có nội dung không phù hợp quy định về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Điều 698 của Bộ luật dân sự năm 2005, về hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các bên cũng chưa được công chứng, chứng thực và đăng ký tại cơ quan đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 689 và Điều 692 Bộ luật dân sự năm 2005 nên việc chuyển quyền sử dụng đất giữa các bên chưa có hiệu lực, như vậy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên là vô hiệu, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Nay anh T và chị S yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 19/9/2008 giữa vợ chồng anh chị và anh T. Anh chị sẽ trả lại cho hộ anh T hai diện tích đất mà anh chị đang quản lý, theo đo đạc thực tế thửa 145(nay được tách thành thửa 292), tờ bản đồ 4 còn lại là 3.684m^2 và thửa 280, tờ bản đồ 4 diện tích 1.004m^2 cùng tọa lạc tại ấp A , xã T, T, tỉnh Tiền Giang; yêu cầu anh T trả lại cho vợ chồng anh chị 160 chỉ vàng 24kr.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản đối các tình tiết, sự kiện do nguyên đơn trình bày và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận các tình tiết, sự kiện của nguyên đơn trình bày và tài liệu,

chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật. Tại bản tự khai ngày 05/6/2012(Bl 56) anh T cũng thừa nhận có bán cho anh T và chị S một miếng đất ruộng với diện tích là 6 công 8 với số vàng là hai cây tư một công(Tổng số vàng là một trăm sáu chục chỉ 24kr). Nay anh có ý kiến cho anh thu hồi lại đất để bán trả số vàng cho nguyên đơn, thời hạn là hai năm kể từ ngày viết bản khai.

Xét, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật, bị đơn cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy sang nhượng đất nông nghiệp lập ngày 19/9/2008 giữa anh T, chị S và anh T. Anh T và chị S có nghĩa vụ giao trả cho hộ anh T hai diện tích đất mà anh chị đang quản lý, anh T có nghĩa vụ trả lại cho anh T và chị S 160 chỉ vàng 24kr, hai bên thực hiện việc giao trả đất và trả vàng cùng lúc khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các bên đương sự không có yêu cầu bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét, hộ anh Nguyễn Văn T tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/5/2006 gồm có các thành viên Nguyễn Văn T, Dương Thị L, Nguyễn T H và Đặng Thị C. Từ đó cho đến nay hộ gia đình của anh T có sự thay đổi về thành viên là do bà Đặng Thị C chết năm 2011, hàng thừa kế thứ nhất của bà C gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị C, Nguyễn Long H, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị S và Nguyễn Văn T. Tại phiên tòa chị S có ý kiến mặc dù là hàng thừa kế của bà C nhưng chị không yêu cầu được giao trả hai phần đất trên cho chị, mà chị đề nghị giao trả cho các thành viên còn lại trong hộ của anh T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu 25.760.000 đồng(lấy giá vàng 24kr tại thời điểm xét xử là 3.400.000đồng /01 chỉ vàng 24kr). Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Xét, lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 122,124,127, 134,137, 689, 692, 697, 698 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 26, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị S.*

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị S với anh Nguyễn Văn T xác lập ngày 19/9/2008.

Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị S có nghĩa vụ giao trả diện tích 3.684m^2 loại đất trồng lúa thuộc thửa 292(thửa cũ là 104), tờ bản đồ 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H" 03375 do UBND huyện C(nay là UBND T), tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ anh Nguyễn Văn T ngày 11/5/2006 và diện tích 1.004m^2 loại đất trồng lúa thuộc thửa 280, tờ bản đồ 4 do UBND huyện C(nay là T), tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ của anh Nguyễn Văn T số "H" 03511 ngày 07/6/2006, hai diện tích đất cùng tọa lạc tại ấp A , xã T, huyện C(nay là T), tỉnh Tiền Giang cho anh Nguyễn Văn T, chị Dương Thị L, anh Nguyễn T H, ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Long H, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị C ***(Có sơ đồ kèm theo)***

Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị S 160(một trăm sáu mươi) chỉ vàng 24kr.

Việc giao trả đất và trả vàng thực hiện cùng lúc khi bản án có hiệu lực pháp luật.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 25.760.000(hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn)đồng. Hoàn lại cho anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị S 5.240.000(năm triệu hai trăm bốn mươi nghìn)đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 007958, ngày 19/3/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND T;
- Chi cục THADS T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Lê Thị Kim Dung